TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15 / 7 / 2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên.

2. Ông Chau Cương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Kim Sol - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Phong, Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 334/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1988, địa chỉ: ấp Mỹ T, xã Mỹ Q, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Hòa N là Luật sư của Công ty Luật TNHH Phan T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang, vắng mặt.

3. Bị đơn: Ông Phạm Tân X, sinh năm 1987, địa chỉ: ấp Phú H, xã An P, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 6 năm 2019, bản tự khai, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày:

Bà và ông Phạm Tân X chung sống với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2009 ngày 11/5/2009, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến đầu năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên cãi vã, tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, ông X không quan tâm chăm sóc gia đình, tình cảm vợ chồng không hạnh phúc. Bà và ông X đã sống ly thân từ đầu năm 2015 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P yêu cầu ly hôn với ông X.

Về con chung: Bà và ông X có 02 người con chung tên Phạm Nhu M, sinh ngày 09/7/2010 và Phạm Đông K, sinh ngày 14/4/2012 hiện do bà P đang nuôi dạy. Bà P yêu cầu được nuôi dạy cháu M và cháu K, không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông X đến trụ sở Tòa án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về yêu cầu khởi kiện của bà P nhưng ông X vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định tố tụng tại phiên toà.

- Về việc chấp hành pháp luật: Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án:

Bà P và ông X chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, từ lúc sống ly thân đến nay vợ chồng không liên lạc quan tâm chăm sóc cho nhau từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông X là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà P yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Cháu M và cháu K hiện do bà P đang nuôi dạy, cháu Mỹ và cháu Khanh có nguyện vọng được sống với bà P. Do đó bà P yêu cầu được

nuôi dạy cháu M và cháu K, không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ chấp nhận.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

Từ cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án và đã nộp tạm ứng án phí nên Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Bà P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn là ông Phạm Tân X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà P, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và ông X theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Bà P và ông X tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2009 ngày 11/5/2009 đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của bà P thì bà và ông X phát sinh mâu thuẫn vợ chồng từ đầu năm 2015 do thường xuyên cãi vã, tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, ông X không quan tâm chăm sóc gia đình, tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà và ông X đã sống ly thân từ đầu năm 2015 cho đến nay.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà P và ông X thì được bà Lâm Thị Xuân (là mẹ ruột của ông X), ông Trịnh Văn Mo – Phó Ban ấp Phú Hòa, xã An Phú, huyện Tịnh Biên cùng cho biết: Sau khi kết hôn năm 2009, bà P và ông X về sống chung nhà với bà Lâm Thị Xuân tại tổ 10, ấp Phú Hòa, xã An Phú, huyện Tịnh Biên, đến năm 2015 thì bà P và ông X phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn sống chung, bà P cùng 02 người con về quê sinh sống, ông X đi làm thuê ở thành phố Hồ Chí Minh, nguyên nhân

phát sinh mâu thuẫn thì bà Xuân và ông Mo không biết. Ngoài ra ông X trước đây bị đưa đi cai nghiện do sử dụng ma túy.

Từ cơ sở trên xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông X là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà P yêu cầu ly hôn với ông X là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Bà P và ông X có 02 người con chung tên Phạm Nhu M, sinh ngày 09/7/2010 và Phạm Đông K, sinh ngày 14/4/2012. Xét thấy cháu M và cháu K do bà P nuôi dạy từ khi bà và ông X sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Cháu M và cháu K có nguyện vọng được sống cùng với bà P. Do đó bà P yêu cầu được nuôi dạy cháu M và cháu K là có căn cứ chấp nhận. Bà P không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà P khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng P.

Bà Nguyễn Thị Hồng P được ly hôn với ông Phạm Tân X.

2. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Hồng P được nuôi dạy cháu Phạm Nhu M, sinh ngày 09/7/2010 và cháu Phạm Đông K, sinh ngày 14/4/2012. Ông Phạm Tân X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phạm Tân X có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay

đổi người trực tiếp nuôi con, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0004889 ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên. Ông Phạm Tân X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện KSND huyện Tịnh Biên;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Tịnh Biên;
- UBND xã An Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Lương Ngọc Dũng